TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Nga;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến,

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, địa chỉ: Khu 8, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Anh Đỗ Như V, địa chỉ: Khu 8, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt lần thứ hai không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các tờ khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Cao Thị T) trình bày:

Chị và anh Đỗ Như V kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 26/4/2003. Anh chị chung sống hòa thuận được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Như B, sinh ngày 17/01/2003. Khi ly hôn, chị T nhận nuôi con không yêu cầu anh Việt cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung: Chị và anh V không có tài sản và không nợ ai tài sản gì.

Bị đơn (anh Đỗ Như V) vắng mặt, tại Biên bản ghi lời khai của đương sự, anh Việt trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hòa thuận được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn căng thẳng khiến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị Thắm yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Đỗ Như B, sinh ngày 17/01/2003. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi con anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung: Anh V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai tài sản gì.

Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã tống đạt hợp lệ cho anh V, nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng (người đại diện cho các tổ chức, đoàn thể ở địa phương) có lời khai xác nhận: Quá trình chung sống, chị T và anh V thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài đã lâu. Anh chị sống ly thân từ năm 2006 đến nay, anh chị có 01 con chung hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, đã được tống đạt các Thông báo, Quyết định của Tòa án hợp lệ nhưng từ chối ký nhận vào Biên bản, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; xử cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Đỗ Như V; giao cho chị T trực tiếp nuôi con Đỗ Như B, sinh ngày 17/01/2003 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm

hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh V; các đương sự không có tài sản và nợ chung; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn (anh Đỗ Như V) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Cao Thị T và anh Đỗ Như V kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký theo quy định pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra va chạm, bất đồng. Mặc dù anh V không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy anh chị đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không quan tâm đến nhau nên có đủ căn cứ kết luận mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận và xử cho chị T được ly hôn anh Việt là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho con. Yêu cầu của chị T phù hợp với ý kiến của anh V và nguyện vọng của cháu Đỗ Như B. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao cho chị được nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh V là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Đỗ Như V.

2. Về con chung: Giao cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi con Đỗ Như B, sinh ngày 17/01/2003 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đỗ Như V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0002942 ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nga